

Bản án số: **23/2018/HNGĐ-ST**

Ngày: 26 - 4 - 2018

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Thịnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Danh Nghĩa.

2. Ông Trịnh Ngọc Thành.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Minh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú tham gia phiên tòa:
Bà Trương Thị Liên – Kiểm sát viên.

Ngày 26/4/2018, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 22/2018/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2018 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 02/4/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2018/QĐST – HNGĐ ngày 20/4/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Văn Khánh P, sinh năm: 1973.

HKTT: 26 Mỹ Thuận, xã TH, Thành phố VL, tỉnh VL.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thụy Cẩm C, sinh năm: 1978.

HKTT: 26 Mỹ Thuận, xã TH, Thành phố VL, tỉnh VL.

Chỗ ở hiện tại: Tổ 8, ấp 4, xã PL, huyện TP, tỉnh Đồng Nai.

(Ông P có đơn xin xét xử vắng mặt, bà C vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 15/01/2018, các lời khai trong quá trình tố tụng ý kiến của nguyên đơn ông Văn Khánh P:

Ông và bà Nguyễn Thụy Cẩm C tự tìm hiểu yêu thương rồi tiến tới chung sống với nhau vào năm 1999 và được Ủy ban nhân dân xã TH, Thành phố VL, tỉnh VL cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 22/9/2004. Cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc đến năm 2006 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân xuất phát từ việc vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp được. Ông bà sống ly thân từ năm 2006 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân ông bà không qua

lại, hàn gắn tình cảm. Nay ông không còn tình cảm với bà C nên yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thụy Cẩm C.

Về con chung: Ông và bà C có 02 con chung là Văn K, sinh ngày 24/10/2001 và Văn Thiên Â, sinh ngày 28/5/2005. Khi ly hôn ông có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu cả hai cháu và không yêu cầu bà C cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Ông P kê khai ông và bà C tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nợ chung, nợ riêng: Ông P kê khai không có và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản riêng, nợ riêng: Ông P kê khai không có và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án ông P đã cung cấp những tài liệu, chứng cứ sau: Đơn khởi kiện, Sổ hộ khẩu của ông P (Bản sao); Đơn xin xác nhận nơi cư trú của bà C; Giấy chứng minh nhân dân của ông P (Bản sao); Giấy khai sinh của cháu K và cháu Â (Bản sao); Giấy chứng nhận kết hôn (Bản sao). Bản sao các tài liệu, chứng cứ này Tòa án đã gửi cho bị đơn.

Để giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ sau: Bản tự khai của nguyên đơn; Biên bản xác minh về tình trạng hôn nhân của các đương sự. Tòa án đã ra thông báo về việc thu thập được tài liệu chứng cứ cho các bên đương sự biết. Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, ông P không có ý kiến gì và không bổ sung gì thêm. Bà C vắng mặt không có lý do đã được Tòa án ra thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo đúng quy định của pháp luật.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa sơ thẩm:

- Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Văn Khánh P. Ông P được ly hôn với bà Nguyễn Thụy Cẩm C.

+ Về con chung: Đề nghị giao cháu Văn K, sinh ngày 24/10/2001 và Văn Thiên Â, sinh ngày 28/5/2005 cho ông P trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời bà C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về tài sản chung: Ông P kê khai vợ chồng tự thỏa thuận nên đề nghị không xem xét, giải quyết. Vì không có lời khai của bà C nên khi nào phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết bằng một vụ kiện khác.

+ Về nợ chung: Ông P kê khai không có nên đề nghị không xem xét, giải quyết. Vì không có lời khai của bà C nên khi nào phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết bằng một vụ kiện khác.

+ Về án phí: Ông P phải nộp 300.000đ án phí DSST về ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa, ông P vắng mặt do ông có đơn xin xét xử vắng mặt, bà C vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa mặt nên ông bà không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ nào khác.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. **Về thẩm quyền giải quyết vụ án:** Ngày 15/01/2018, Tòa án nhân dân huyện Tân Phú nhận đơn khởi kiện của ông Văn Khánh P về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn” đối với bà Nguyễn Thụy Cẩm C – 1978, Địa chỉ: Tổ 8, ấp 4, xã PL, huyện TP, Đồng Nai. Vì vậy, căn cứ theo điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú.

[2]. **Về quan hệ pháp luật:** Ông P khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà C và có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu Văn K, sinh ngày 24/10/2001 và Văn Thiên Â, sinh ngày 28/5/2005. Căn cứ theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn".

[3]. **Về tư cách tham gia tố tụng:** Căn cứ theo Khoản 2, khoản 3 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định ông P là nguyên đơn, bà C là bị đơn trong vụ án.

[4]. **Về thủ tục tố tụng:** Ông P có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét yêu cầu của ông P về việc vắng mặt tại phiên tòa xét xử là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Căn cứ vào khoản 1 điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Bà C là bị đơn trong vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ bà C đến Tòa án làm việc, nhưng bà C vẫn vắng mặt nên không có lời khai của bà C và không thể tiến hành hòa giải theo quy định tại điều 54 Luật Hôn nhân và Gia đình và Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vì vậy căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt bà C.

[5]. **Về nội dung vụ án:** Ông P, bà C tự nguyện kết hôn với vào năm 2004 và được Ủy ban nhân dân xã TH, Thành phố VL, tỉnh VL cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 22/9/2004. Hôn nhân của ông bà thực hiện đúng pháp luật vì vậy khi ông P có đơn yêu cầu ly hôn thì Tòa án giải quyết theo thủ tục chung về ly hôn mà Luật Hôn nhân và Gia đình quy định.

Quá trình chung sống vợ chồng ông bà sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng ông bà bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp được. Vợ chồng không đồng lòng đồng sức chăm lo cho gia đình dẫn đến trong cuộc sống chung thường xuyên căng thẳng, tình cảm vợ chồng từ đó dần phai nhạt. Qua xác minh tại địa phương thể hiện đời sống chung của vợ chồng ông bà không còn hạnh phúc. Ông bà đã sống ly thân từ năm 2006 cho đến nay. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân ông bà không qua lại để hàn gắn tình cảm. Vì vậy, để cả hai có điều kiện ổn định cuộc sống nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông P là cho ông được ly hôn với bà C là đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Về con chung: Ông P, bà C có 02 con chung là Văn K, sinh ngày 24/10/2001 và Văn Thiên Â, sinh ngày 28/5/2005. Khi ly hôn, ông P có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Văn K và cháu Văn Thiên Â. Xét thấy, từ khi ly

thả các cháu do ông P nuôi dưỡng và ông P có đủ điều kiện để nuôi dưỡng con chung. Đồng thời, phù hợp với nguyện vọng của các cháu. Do vậy, yêu cầu này của công P là đảm bảo quy định của pháp luật nên chấp nhận yêu cầu của ông P. Giao cháu Văn K và cháu Văn Thiên A cho ông P trực tiếp nuôi dưỡng.

Tạm thời miễn việc cấp dưỡng nuôi con hàng tháng cho bà C. Khi nào có tranh chấp về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác.

Về tài sản chung: Ông P khai báo ông và bà C tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét. Vì không có lời khai của bà C nên khi nào có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

Về tài sản riêng, nợ chung, nợ riêng: Ông P khai báo không có nên Hội đồng xét xử không xem xét. Vì không có lời khai của bà C nên khi nào có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

Về án phí: Ông P phải nộp 300.000đ án phí DSST về ly hôn.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Xét quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử do đó được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Điều 28, 35, 39, 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 235, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Điều 19, 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Văn Khánh P.

Ông Văn Khánh P được ly hôn bà Nguyễn Thụy Cẩm C.

- Về con chung: Ông P, bà C có 02 con chung là Văn K, sinh ngày 24/10/2001 và Văn Thiên A, sinh ngày 28/5/2005. Giao cháu Văn K và cháu Văn Thiên A cho ông P trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời bà C không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Bà C có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được gây trở ngại. Vì lợi ích của con chung các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung, tài sản riêng, nợ riêng: Tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi phát sinh tranh chấp.

2. Về án phí: Ông Văn Khánh P phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí DSST về ly hôn. Số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) ông P đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số 008123 ngày 15/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú chuyển thành án phí.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Ông P, bà C có quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện TÂ Phú;
- Chi cục THA huyện TÂ Phú;
- Các đương sự (đề thi hành);
- UBND xã TH, thị xã VL, VL (đề ghi vào sổ hộ tịch theo số 40/2004, quyền số 01/2004 ngày 22/9/2004);
- Lưu HS – LT.

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Thịnh